

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI
PHÒNG THÔNG TIN XÚC TIẾN TM & ĐT

NHIỆM VỤ:
“THU THẬP, TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP
THÔNG TIN PHỤC VỤ TRIỂN KHAI HIỆP ĐỊNH UKVFTA”
NĂM 2023

BÁO CÁO
VỀ TÌNH HÌNH GIAO THƯƠNG ĐỐI VỚI
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ TRONG UKVFTA
THÁNG 10/2023

Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

Cơ quan chủ trì: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
DANH MỤC BIỂU ĐỒ, BẢNG, HỘP	3
TÓM TẮT	4
1. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRONG UKVFTA	6
1.1. Diễn biến lượng và trị giá xuất khẩu và tỷ trọng của thị trường Vương quốc Anh trong tổng xuất khẩu cà phê của Việt Nam	6
1.2. Tình hình chung về xuất khẩu cà phê của Việt Nam	7
1.3. Diễn biến giá xuất khẩu	8
2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI VÀ THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ CỦA VƯƠNG QUỐC ANH	9
2.1. Tình hình nhập khẩu cà phê vào Vương quốc Anh	9
2.2. Tình hình xuất khẩu cà phê từ Vương quốc Anh.....	17
3. DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC CÀ PHÊ TẠI VƯƠNG QUỐC ANH....	25
3.1. Những hạt cà phê đầu tiên do các nông dân châu Phi sở hữu đã được đưa vào các cửa hàng tại Vương quốc Anh.....	25
3.2. Doanh nghiệp Vương quốc Anh nhập khẩu cà phê	26
4. THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ CỦA VƯƠNG QUỐC ANH.....	27
4.1. Nhà bán lẻ M&S tại Vương quốc Anh triển khai cốc tái chế không chứa nhựa trên toàn hệ thống quán cà phê.	27
4.2. Sản xuất, tiêu thụ cà phê thế giới	28
5. CẬP NHẬT CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ TẠI VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC AI-LEN.....	29

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, BẢNG, HỘP

Biểu đồ 1: Lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Vương quốc Anh tới tháng 9/2023	6
Biểu đồ 2: Tỷ trọng của cà phê xuất khẩu sang Vương quốc Anh trong tổng cà phê của Việt Nam xuất khẩu ra thế giới tới tháng 9/2023	7
Biểu đồ 2: So sánh diễn biến giá xuất khẩu cà phê trung bình tháng của Việt Nam ra thị trường thế giới và sang thị trường Vương quốc Anh tới tháng 8/2023.....	9
Biểu đồ 3: Lượng nhập khẩu cà phê mã HS 0901 (cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc khử caffein) của Vương quốc Anh tới tháng 8/2023.....	10
Biểu đồ 4: Cơ cấu thị trường cung ứng cà phê mã HS 0901 (cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc khử caffein) vào Vương quốc Anh tháng 8 và 8 tháng năm 2023.....	14
Biểu đồ 5: Lượng xuất khẩu cà phê mã HS 2101 (các chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê) của Vương quốc Anh tới tháng 8/2023.....	18
Biểu đồ 6: Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê mã HS 2101 (các chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê) từ Vương quốc Anh tháng 8 và 8 tháng năm 2023.....	24
Bảng 1: Chủng loại cà phê nhập khẩu vào Vương quốc Anh trong tháng 8 và 8 tháng năm 2023	10
Bảng 2: 25 thị trường cung ứng cà phê mã HS 0901 (cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc khử caffein) lớn nhất vào Vương quốc Anh, theo lượng nhập khẩu 8 tháng năm 2023 .	16
Bảng 3: Chủng loại cà phê xuất khẩu của Vương quốc Anh trong tháng 8 và 8 tháng năm 2023	18
Bảng 4: 25 thị trường xuất khẩu cà phê mã HS 2101 (các chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê) của Vương quốc Anh tháng 8 và 8 tháng năm 2023	24
Bảng 5: Danh sách doanh nghiệp của Vương quốc Anh nhập khẩu cà phê mã HS 210111 tháng 8/2023	26

TÓM TẮT

- Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, khối lượng cà phê của Việt Nam xuất khẩu sang Vương quốc Anh đổi chiều giảm trong tháng 9/2023 so với tháng 8/2023. Tính chung 9 tháng năm 2023, lượng xuất khẩu cũng giảm so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu cà phê sang thị trường Vương quốc Anh chiếm tỷ trọng 4,72% trong tháng 9/2023 và chiếm 2,4% trong tổng khối lượng xuất khẩu cà phê 9 tháng năm 2023 của cả nước (cùng kỳ năm trước chiếm tỷ trọng lần lượt là 1,37% và 2,68%).

- Giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 9/2023 sang Vương quốc Anh đạt 4.096 USD/tấn, tăng 37,90% so với tháng 8/2023 và tăng 80,91% so với tháng 9/2022. Tính chung 9 tháng năm 2023, giá cà phê xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang thị trường này đạt 2.595 USD/tấn, tăng 26,84% so với 9 tháng năm 2022. Mức giá xuất khẩu cà phê trung bình sang Vương quốc Anh cao hơn giá xuất khẩu cà phê chung của Việt Nam và có cùng xu hướng tăng của giá xuất khẩu cà phê chung.

- Theo số liệu Hải quan Vương quốc Anh, nhập khẩu cà phê vào Vương quốc Anh trong tháng 8/2023 đạt 19.899 tấn với trị giá 117,3 triệu bảng Anh, tăng 0,45% về lượng nhưng giảm 1,46% về trị giá so với tháng trước. Tính chung 8 tháng năm 2023, lượng nhập khẩu đạt 168.131 tấn với trị giá 987,23 triệu bảng Anh, giảm 19,03% về lượng nhưng tăng 1,94% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

- Xuất khẩu cà phê vào Vương quốc Anh trong tháng 8/2023 đạt 4.695 tấn với trị giá 47,04 triệu bảng Anh, giảm 2,51% về lượng nhưng tăng 11,36% về trị giá so với tháng trước. Tính chung 8 tháng năm 2023, lượng xuất khẩu đạt 37.221 tấn với trị giá 314,96 triệu bảng Anh, giảm 23,74% về lượng và giảm 5,12% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

- Blue Turaco, thương hiệu cà phê đầu tiên do các nông dân châu Phi sở hữu đã có mặt tại 99 cửa hàng trên khắp nước Anh với cà phê Robusta Uganda chất lượng 100%.

- Cốc đựng cà phê một lần sử dụng được chứng nhận không chứa nhựa và hiện đã có sẵn tại hai mươi địa điểm, bao gồm các quán cà phê M&S, điểm phân phối cà phê tự động và Foodhalls ở London, Leeds và Cheshunt, và sẽ được triển khai trên toàn hệ thống 300 quán cà phê của M&S trong những tháng tới.

- Trong báo cáo tháng 9/2023, Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) công bố giá cà phê Arabica giảm nhẹ trong khi giá cà phê Robusta vẫn ở mức gần kỷ lục.

Nam Mỹ đang và sẽ vẫn là nhà sản xuất cà phê lớn nhất thế giới, mặc dù sản lượng giảm mạnh nhất trong gần 20 năm. Tiêu thụ cà phê thế giới tăng nhưng và chi phí sinh hoạt tăng sẽ tác động đến tiêu dùng trong niên vụ cà phê mới.

- Vương quốc Anh đã ký kết một thỏa thuận quan trọng về ngành cà phê toàn cầu nhằm giải quyết một số vấn đề cấp bách nhất của ngành công nghiệp này, bao gồm việc làm cho việc trồng cà phê và tiêu thụ cà phê bền vững hơn.

BÁO CÁO CHI TIẾT

1. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRONG UKVFTA

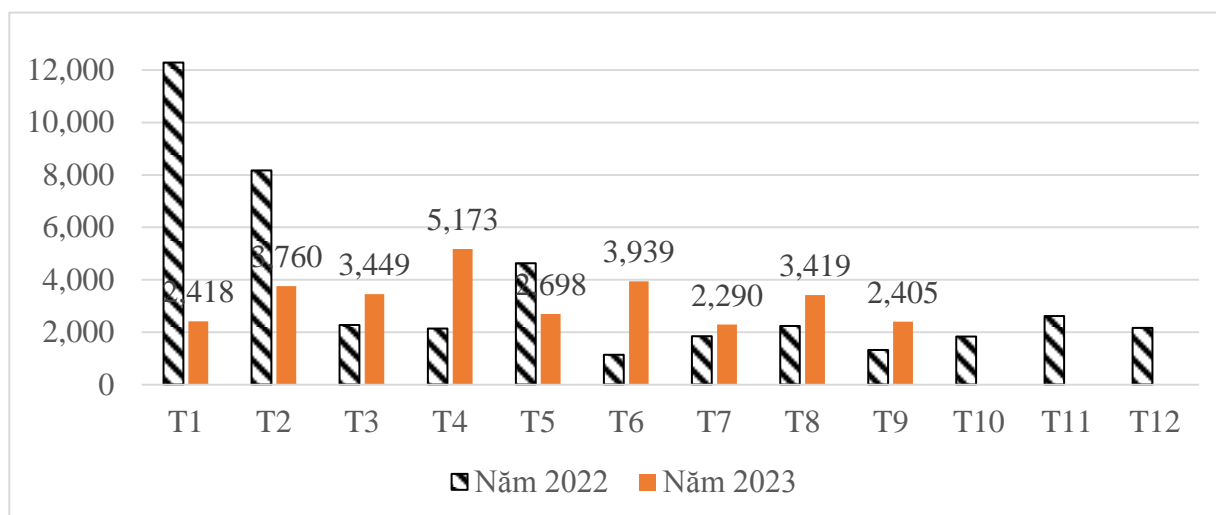
1.1. Diễn biến lượng và trị giá xuất khẩu và tỷ trọng của thị trường Vương quốc Anh trong tổng xuất khẩu cà phê của Việt Nam

1.1.1. Xuất khẩu cà phê sang Vương quốc Anh

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, khối lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9/2023 sang Vương quốc Anh đạt 2.405 tấn, giảm 29,66% so với tháng 8/2023 nhưng tăng 81,92% so với tháng 9/2022. Tính chung 9 tháng năm 2023, khối lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường này đạt hơn 30 nghìn tấn, giảm 16,37% so với 9 tháng năm 2022. Xuất khẩu cà phê sang thị trường Vương quốc Anh chiếm tỷ trọng 4,72% trong tháng 9/2023 và chiếm 2,4% trong tổng khối lượng xuất khẩu cà phê 9 tháng năm 2023 của cả nước.

Biểu đồ 1: Lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Vương quốc Anh tới tháng 9/2023

ĐVT: tấn



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9/2023 sang Vương quốc Anh đạt 9,85 triệu USD, giảm 3% so với tháng 8/2023 nhưng tăng 229,11% so với tháng 9/2022. Tính chung 9 tháng năm 2023, trị giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường này đạt 78,15 triệu USD, tăng 6,07% so với 9 tháng năm 2022. Xuất khẩu cà phê sang thị trường Vương quốc Anh chiếm tỷ trọng

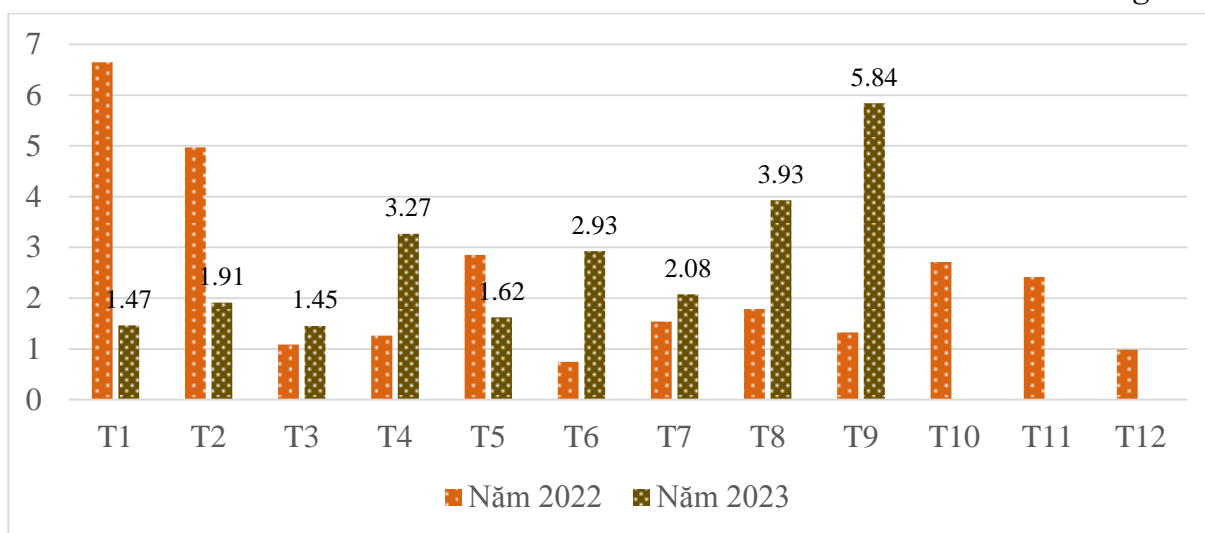
5,84% trong tháng 9/2023 và chiếm 2,5% trong tổng trị giá xuất khẩu cà phê 9 tháng năm 2023 của cả nước.

1.1.2. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê sang Vương quốc Anh

+ Xét trong tổng hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Vương quốc Anh: Trong tháng 9/2023, cà phê là mặt hàng xuất khẩu có trị giá lớn thứ 10 của Việt Nam sang thị trường Vương quốc Anh, chiếm 1,68% trong tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này (tháng 9/2022 có trị giá lớn thứ 15, chiếm 0,61%). Tính chung 9 tháng năm 2023, cà phê có trị giá xuất khẩu lớn thứ 13, chiếm 1,67% trong tổng trị giá.

Biểu đồ 2: Tỷ trọng của cà phê xuất khẩu sang Vương quốc Anh trong tổng cà phê của Việt Nam xuất khẩu ra thế giới tới tháng 9/2023

ĐVT: % theo giá trị



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

1.2. Tình hình chung về xuất khẩu cà phê của Việt Nam

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, khối lượng cà phê xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9/2023 đạt 51 nghìn tấn, giảm 39,79% so với tháng trước và giảm 47,23% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, khối lượng xuất khẩu cà phê của cả nước đạt 1.253 nghìn tấn, giảm 8,28% so với cùng kỳ năm trước.

+ Trị giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9/2023 đạt 168,68 triệu USD, giảm 34,74% so với tháng trước và giảm 28,17% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, trị giá xuất khẩu cà phê của cả nước đạt 3,13 tỷ USD, tăng 0,73% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu cà phê chiếm tỷ trọng 0,55% trong tháng 9/2023 và chiếm 1,21% trong tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa 9 tháng năm 2023 của cả nước.

Khối doanh nghiệp FDI, trong tháng 9/2023 khối lượng cà phê xuất khẩu đạt hơn 30 nghìn tấn, giảm 31,14% so với tháng trước và giảm 34,12% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, khối lượng xuất khẩu cà phê của khối doanh nghiệp FDI đạt 456 nghìn tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu cà phê của khối doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng 59,7% trong tháng 9/2023 và chiếm 36,39% trong tổng khối lượng xuất khẩu cà phê 9 tháng năm 2023 của cả nước.

+ Trị giá xuất khẩu cà phê của khối doanh nghiệp FDI trong tháng 9/2023 đạt 107,63 triệu USD, giảm 25,77% so với tháng trước và giảm 8,75% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, trị giá xuất khẩu cà phê của khối doanh nghiệp đạt 1,31 tỷ USD, tăng 15,74% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu cà phê của khối doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng 63,81% trong tháng 9/2023 và chiếm 41,73% trong tổng trị giá xuất khẩu cà phê 9 tháng năm 2023 của cả nước.

So sánh xuất khẩu cà phê sang Vương quốc Anh trong tổng thể xuất khẩu cà phê của Việt Nam ra thị trường thế giới:

Trong tháng 9/2023, lượng xuất khẩu cà phê của cả nước và lượng cà phê xuất khẩu sang Vương quốc Anh đều giảm so với tháng 8/2023. Tính chung 9 tháng 2023, lượng xuất khẩu cà phê sang Vương quốc Anh và lượng xuất khẩu cà phê cả nước cùng giảm so với cùng kỳ năm trước.

Giá trị xuất khẩu cà phê của cả nước và giá trị xuất khẩu cà phê sang Vương quốc Anh trong tháng 9/2023 đều giảm. Tính chung 9 tháng năm 2023, giá trị xuất khẩu cà phê cả nước và giá trị xuất khẩu cà phê sang Vương quốc Anh đều tăng so với cùng kỳ năm trước, nhưng mức tăng sang Vương quốc Anh nhiều hơn.

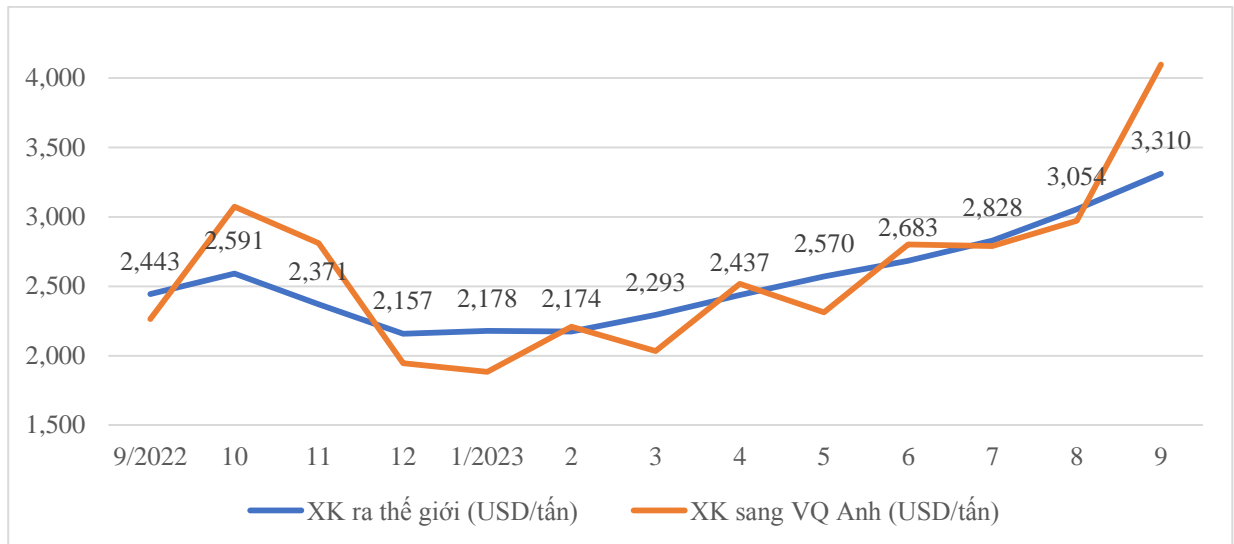
1.3. Diễn biến giá xuất khẩu

Giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 9/2023 sang Vương quốc Anh đạt 4.096 USD/tấn, tăng 37,90% so với tháng 8/2023 và tăng 80,91% so với tháng 9/2022. Tính chung 9 tháng năm 2023, giá cà phê xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang thị trường này đạt 2.595 USD/tấn, tăng 26,84% so với 9 tháng năm 2022.

Giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9/2023 đạt 3.310 USD/tấn, tăng 8,39% so với tháng trước và tăng 36,12% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, giá trung bình xuất khẩu cà phê của cả nước đạt 2.497 USD/tấn, tăng 9,83% so với 9 tháng năm 2022.

Giá cà phê xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI trong tháng 9/2023 đạt 3.537 USD/tấn, tăng 7,79% so với tháng trước và tăng 38,5% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, giá trung bình xuất khẩu cà phê của khối doanh nghiệp FDI đạt 2.864 USD/tấn, tăng 12,48% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 3: So sánh diễn biến giá xuất khẩu cà phê trung bình tháng của Việt Nam ra thị trường thế giới và sang thị trường Vương quốc Anh tới tháng 9/2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI VÀ THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ CỦA VƯƠNG QUỐC ANH

2.1. Tình hình nhập khẩu cà phê vào Vương quốc Anh

2.1.1. Lượng, trị giá và chủng loại nhập khẩu:

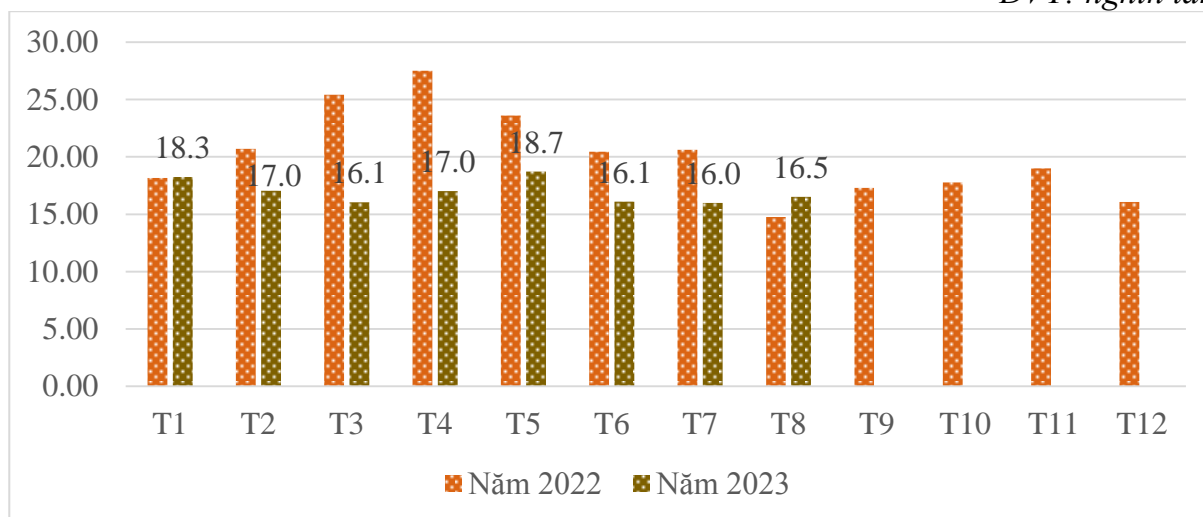
Theo số liệu thống kê hải quan của Vương quốc Anh, nhập khẩu cà phê của Vương quốc Anh trong tháng 8/2023 đạt 19.899 tấn với trị giá 117,3 triệu bảng Anh, tăng 0,45% về lượng nhưng giảm 1,46% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, tăng 2,23% về lượng và tăng 9,76% về trị giá. Tính chung 8 tháng năm 2023, lượng nhập khẩu đạt 168.131 tấn với trị giá 987,23 triệu bảng Anh, giảm 19,03% về lượng nhưng tăng 1,94% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

+ Chủng loại cà phê nhập khẩu chính trong tháng 8/2023 là HS 090111 (cà phê (không bao gồm rang và khử caffein)) chiếm 56,47% lượng nhập khẩu đạt 11.237 tấn; tiếp đến là HS 090121 (cà phê rang (không bao gồm caffein)) chiếm 22,32% lượng nhập khẩu đạt 4.442 tấn; HS 210111 (chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê) chiếm 11,33% lượng đạt 2.254 tấn; HS 210112 (các chế

phẩm có thành phần cơ bản là chất chiết xuất, tinh chất hoặc chất cô đặc từ cà phê hoặc có thành phần cơ bản là cà phê) chiếm 5,57% lượng đạt 1.107 tấn; HS 090112 (cà phê đã khử caffein (không bao gồm rang)) chiếm 3,19% lượng đạt 636 tấn; HS 090122 (cà phê rang, đã khử caffein) chiếm 0,94% lượng đạt 188 tấn;...

Biểu đồ 4: Lượng nhập khẩu cà phê mã HS 0901 (cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc khử caffein) của Vương quốc Anh tới tháng 8/2023

ĐVT: nghìn tấn



(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

+ Tính chung 8 tháng năm 2023, chủng loại cà phê nhập khẩu chính là HS 090111 chiếm 57,83% lượng nhập khẩu đạt 97.236 tấn; tiếp đến là 090121 chiếm 19,02% lượng nhập khẩu đạt 31.979 tấn; tiếp đến là HS 210111 chiếm 11,76% lượng đạt 19.778 tấn; HS 210112 chiếm 7,5% lượng đạt 12.613 tấn; HS 090112 chiếm 2,95% lượng đạt 4.953 tấn; HS 090122 chiếm 0,76% lượng đạt 1.272 tấn;...

Bảng 1: Chủng loại cà phê nhập khẩu vào Vương quốc Anh trong tháng 8 và 8 tháng năm 2023

Mã HS	Mô tả HS	Vương quốc Anh				Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
		Tháng 8/2023 (tấn)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng 2023 (tấn)	So với 8 tháng 2022 (%)	Tháng 8/2023	8 tháng 2023
0	* CÀ PHÊ	19.899	2,23	168.131	-19,03	16,66	18,14
0901	Cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc khử caffein; vỏ và vỏ cà phê; chất thay thế cà phê có chứa cà	16.537	12,05	135.740	-20,76	20,04	22,46

Mã HS	Mô tả HS	Vương quốc Anh				Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
		Tháng 8/2023 (tấn)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng 2023 (tấn)	So với 8 tháng 2022 (%)	Tháng 8/2023	8 tháng 2023
	<i>phê ở bất kỳ tỷ lệ nào</i>						
090111	Cà phê (không bao gồm rang và khử caffein)	11.237	5,72	97.236	-25,17	26,91	29,23
090112	Cà phê đã khử caffein (không bao gồm rang)	636	77,23	4.953	-21,75	45,13	41,17
090121	Cà phê rang (không bao gồm caffein)	4.442	22,51	31.979	-3,74	0,06	0,09
090122	Cà phê rang, đã khử caffein	188	78,46	1.272	-13,01		
090190	Vỏ và vỏ cà phê; chất thay thế cà phê có chứa cà phê ở bất kỳ tỷ lệ nào	35	-13,61	300	-12,42		
2101	<i>Các chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê, trà hoặc maté và các chế phẩm có thành phần cơ bản là các sản phẩm này hoặc có thành phần,...</i>	3.362	-28,57	32.391	-10,86	0,07	0,04
210111	Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê	2.254	-11,66	19.778	-0,44	0,10	0,01
210112	Các chế phẩm có thành phần cơ bản là chất chiết xuất, tinh chất hoặc chất cô đặc từ cà phê hoặc có thành phần cơ bản là cà phê	1.107	-48,60	12.613	-23,42	0,00	0,08

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

2.1.2. Thị trường nhập khẩu cà phê có cùng chủng loại với Việt Nam:

Tháng 8/2023, Vương quốc Anh nhập khẩu cà phê từ hơn 60 thị trường. Có 2 thị trường có lượng nhập khẩu đạt trên 3 nghìn tấn đứng đầu là Brazil, tiếp đến là Việt Nam. Có 3 thị trường có lượng nhập khẩu đạt trên 1 nghìn tấn là Hà Lan, Tây Ban Nha, Italy. Tính chung 8 tháng năm 2023, Việt Nam đứng vị trí dẫn đầu lượng nhập khẩu cà phê tới Vương quốc Anh với trên 30 nghìn tấn, tiếp đến là Brazil với gần 29 nghìn tấn, Hà Lan với gần 16 nghìn tấn. Có 5 thị trường có lượng nhập khẩu đạt trên 7 nghìn tấn là Tây Ban Nha, Italy, Honduras, Đức và Colombia.

Chi tiết thị trường cung cấp theo từng chủng loại cà phê nhập khẩu vào Vương quốc Anh:

Cà phê mã HS 090111 (Cà phê không bao gồm rang và khử caffein) trong tháng 8/2023 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Brazil với khối lượng 3.375 tấn, tăng 26,86% về lượng so với tháng trước và chiếm 30,03% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Việt Nam với 3.024 tấn, giảm 20,79% về lượng so với tháng trước và chiếm 26,91%; thị trường Colombia với 948 tấn, tăng 31,67% về lượng so với tháng trước và chiếm 8,44%; thị trường Honduras với 936 tấn, tăng 1,2% về lượng so với tháng trước và chiếm 8,33%; thị trường Pê Ru với 483 tấn, tăng 253,45% về lượng so với tháng trước và chiếm 4,3%; thị trường Indonesia với 421 tấn, tăng 265,21% về lượng so với tháng trước và chiếm 3,74%; thị trường Guatemala với 378 tấn, tăng 55,34% về lượng so với tháng trước và chiếm 3,36%;...

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 090111 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Việt Nam với khối lượng 28.420 tấn, giảm 34,38% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 29,23% khối lượng; tiếp đến là thị trường Brazil với 27.194 tấn, giảm 7,95% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 27,97%; thị trường Honduras với 7.646 tấn, giảm 1,42% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7,86%; thị trường Indonesia với 6.909 tấn, giảm 34,95% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7,11%; thị trường Colombia với 6.809 tấn, giảm 33,1% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7%; thị trường Pê Ru với 3.064 tấn, giảm 33,24% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 3,15%; thị trường Nicaragua với 1.937 tấn, tăng 49,25% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1,99%;...

Cà phê mã HS 090112 (Cà phê đã khử caffein (không bao gồm rang)) trong tháng 8/2023 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Việt Nam với khối lượng 287 tấn, giảm 31,38% về lượng so với tháng trước và chiếm 45,13% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Đức với 207 tấn, tăng 948,61% về lượng so với tháng trước và chiếm 32,58%; thị trường Mexico với 133 tấn, tăng 60,74% về lượng so với tháng trước và chiếm 20,9%; thị trường Hà Lan với gần 4 tấn, giảm 81,87% về lượng so với tháng trước và chiếm 0,58%; thị trường Colombia với hơn 2 tấn, giảm 92,37% về lượng so với tháng trước và chiếm 0,39%; thị trường Bỉ với 1 tấn, tăng 58,61% về lượng so với tháng trước và chiếm 0,17%;...

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 090112 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Việt Nam với khối lượng 2.039 tấn, tăng 55,28% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 41,17% khối lượng; tiếp đến là thị trường Đức với

1.186 tấn, tăng 89,76% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 23,94%; thị trường Mexico với 923 tấn, tăng 25,27% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 18,64%; thị trường Canada với 250 tấn, giảm 35,79% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 5,04%; thị trường Colombia với 164 tấn, tăng 1,06% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 3,32%; thị trường Hà Lan với 152 tấn, giảm 63,98% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 3,06%; thị trường Tây Ban Nha với 130 tấn, giảm 94,83% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 2,63%;...

Cà phê mã HS 090121 (Cà phê rang (không bao gồm caffein)) trong tháng 8/2023 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Hà Lan với khối lượng 1.055 tấn, tăng 0,73% về lượng so với tháng trước và chiếm 23,74% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Italy với 1.042 tấn, giảm 1,38% về lượng so với tháng trước và chiếm 23,46%; thị trường Thụy Sĩ với 448 tấn, tăng 10,52% về lượng so với tháng trước và chiếm 10,09%; thị trường Bỉ với 394 tấn, giảm 7,49% về lượng so với tháng trước và chiếm 8,87%; thị trường Hungary với 232 tấn, giảm 9,11% về lượng so với tháng trước và chiếm 5,22%; thị trường Đức với 216 tấn, tăng 27,85% về lượng so với tháng trước và chiếm 4,86%; thị trường Ireland với 190 tấn, tăng 7,19% về lượng so với tháng trước và chiếm 4,27%;...

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 090121 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Hà Lan với khối lượng 7.915 tấn, tăng 11,39% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 24,75% khối lượng; tiếp đến là thị trường Italy với 7.216 tấn, tăng 7,53% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 22,56%; thị trường Bỉ với 3.754 tấn, tăng 28,21% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 11,74%; thị trường Thụy Sĩ với 3.110 tấn, giảm 40,31% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 9,72%; thị trường Đức với 1.741 tấn, giảm 20,51% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 5,44%; thị trường Ireland với 1.532 tấn, giảm 6,8% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 4,79%; thị trường Pháp với 1.303 tấn, giảm 48,84% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 4,07%;...

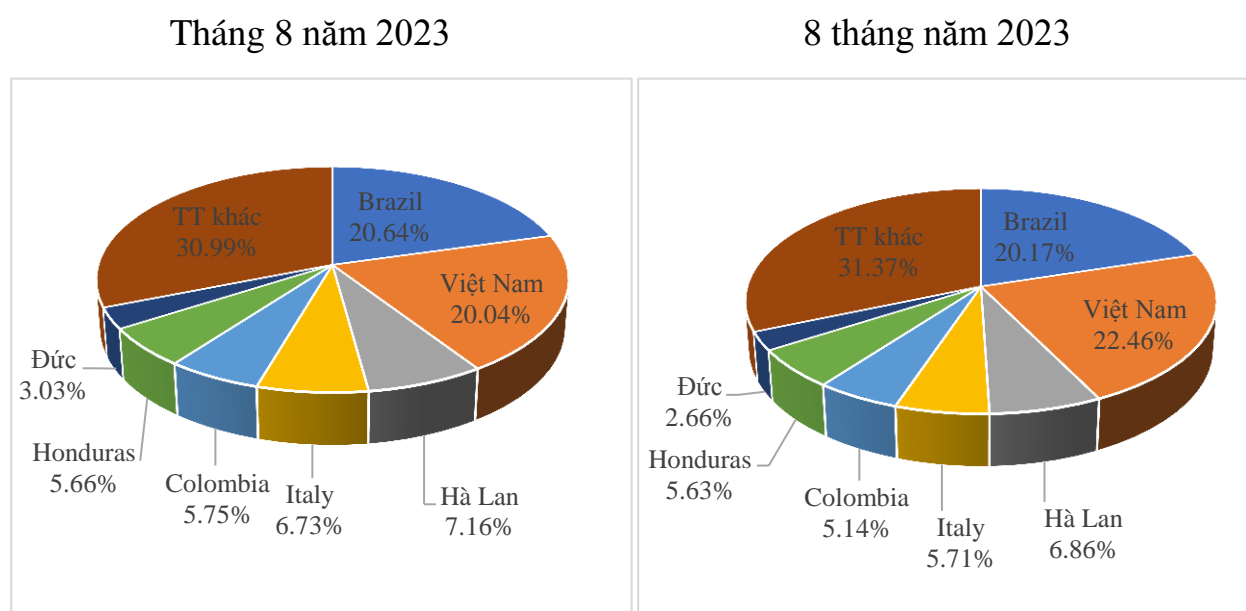
Cà phê mã HS 090122 (Cà phê rang, đã khử caffein) trong tháng 8/2023 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Italy với khối lượng 67,2 tấn, giảm 31,08% về lượng so với tháng trước và chiếm 35,79% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Bỉ với 27,7 tấn, tăng 30,74% về lượng so với tháng trước và chiếm 14,75%; thị trường Hà Lan với 26,04 tấn, tăng 19,97% về lượng so với tháng trước và chiếm 13,87%; thị trường Đức với 25,17 tấn, tăng 303,25% về lượng so với tháng trước và chiếm 13,4%; thị trường Ireland với 22,91 tấn, tăng 154,86% về lượng so với tháng trước và chiếm 12,2%; thị trường Pháp với 8940 kg, tăng

49,85% về lượng so với tháng trước và chiếm 4,76%; thị trường Ba Lan với 3636 kg, tăng 44,23% về lượng so với tháng trước và chiếm 1,94%;...

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 090122 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Italy với khối lượng 513 tấn, tăng 21,41% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 40,33% khối lượng; tiếp đến là thị trường Bỉ với 188 tấn, giảm 5,69% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 14,75%; thị trường Hà Lan với 161 tấn, giảm 11,03% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 12,63%; thị trường Ireland với 125 tấn, tăng 27,95% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 9,84%; thị trường Đức với 93 tấn, tăng 13,52% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7,28%; thị trường Thụy Sĩ với 70 tấn, giảm 78,73% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 5,53%; thị trường Pháp với 62 tấn, tăng 13,61% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 4,88%;...

Biểu đồ 5: Cơ cấu thị trường cung ứng cà phê mã HS 0901 (cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc khử caffein) vào Vương quốc Anh tháng 8 và 8 tháng năm 2023

(ĐVT % theo lượng)



(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

Cà phê mã HS 090190 (Vỏ và vỏ cà phê; chất thay thế cà phê có chứa cà phê ở bất kỳ tỷ lệ nào) trong tháng 8/2023 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Ireland với khối lượng 31 tấn, tăng 4% về lượng so với tháng trước và chiếm 88,12% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Italy với gần 2 tấn, giảm 5,4% về lượng so với tháng trước và chiếm 4,53%; thị trường Tây Ban Nha với 972 kg, tăng 65,31% về lượng so với tháng trước và chiếm 2,79%; thị trường Romania với 372 kg, bằng so với tháng trước và chiếm 1,07%; thị trường Pháp

với 315 kg, tăng 208,82% về lượng so với tháng trước và chiếm 0,91%; thị trường Panama với 193 kg, tăng 1.830% về lượng so với tháng trước và chiếm 0,55%; thị trường Australia với 185 kg, bằng so với tháng trước và chiếm 0,53%;...

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 090190 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Ireland với khối lượng 242 tấn, tăng 43,97% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 80,55% khối lượng; tiếp đến là thị trường Italy với 10 tấn, giảm 13,5% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 3,33%; thị trường Bỉ với gần 9 tấn, giảm 61,63% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 2,86%; thị trường Thổ Nhĩ Kỳ với 8 tấn, tăng 7.554% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 2,83%; thị trường Hà Lan với 5 tấn, tăng 2.307% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1,76%; thị trường Tây Ban Nha với 4 tấn, giảm 93,37% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1,44%; thị trường Ả Rập Xê Út với 3 tấn, tăng 2.679% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1,13%;...

Cà phê mã HS 210111 (Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê) trong tháng 8/2023 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Tây Ban Nha với khối lượng 688 tấn, giảm 34,11% về lượng so với tháng trước và chiếm 30,53% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Hà Lan với 578 tấn, giảm 6,91% về lượng so với tháng trước và chiếm 25,64%; thị trường Đức với 354 tấn, tăng 39,55% về lượng so với tháng trước và chiếm 15,7%; thị trường Brazil với 225 tấn, tăng 16,65% về lượng so với tháng trước và chiếm 9,96%; thị trường Ấn Độ với 145 tấn, tăng 4,57% về lượng so với tháng trước và chiếm 6,43%; thị trường Bỉ với 92 tấn, tăng 160,21% về lượng so với tháng trước và chiếm 4,08%; thị trường Ecuador với 50 tấn, tăng 200% về lượng so với tháng trước và chiếm 2,23%;...

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 210111 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Tây Ban Nha với khối lượng 5.679 tấn, tăng 50,97% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 28,71% khối lượng; tiếp đến là thị trường Hà Lan với 5.626 tấn, giảm 5,78% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 28,44%; thị trường Đức với 2.805 tấn, giảm 14,84% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 14,18%; thị trường Ấn Độ với 1.588 tấn, tăng 105,19% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 8,03%; thị trường Brazil với 1.495 tấn, giảm 31,26% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7,56%; thị trường Pháp với 777 tấn, giảm 32,98% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 3,93%; thị trường Bỉ với 416 tấn, giảm 50,9% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 2,1%;...

Cà phê mã HS 210112 (Các chế phẩm có thành phần cơ bản là chất chiết xuất, tinh chất hoặc chất cô đặc từ cà phê hoặc có thành phần cơ bản là cà phê) trong tháng 8/2023 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Ba Lan với khối lượng 388 tấn, giảm 20,79% về lượng so với tháng trước và chiếm 35,06% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Séc với 312 tấn, tăng 51,16% về lượng so với tháng trước và chiếm 28,21%; thị trường Đức với 125 tấn, giảm 4,84% về lượng so với tháng trước và chiếm 11,29%; thị trường Hà Lan với 87 tấn, giảm 54,24% về lượng so với tháng trước và chiếm 7,82%; thị trường Tây Ban Nha với 75 tấn, tăng 13,59% về lượng so với tháng trước và chiếm 6,73%; thị trường New Zealand với 34 tấn, giảm 22,89% về lượng so với tháng trước và chiếm 3,11%; thị trường Hungary với 19 tấn, giảm 70,86% về lượng so với tháng trước và chiếm 1,72%;...

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 210112 được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Ba Lan với khối lượng 4.391 tấn, giảm 4,27% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 34,81% khối lượng; tiếp đến là thị trường Séc với 2.189 tấn, tăng 110,53% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 17,36%; thị trường Pháp với 1.212 tấn, tăng 11,88% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 9,61%; thị trường Hungary với 1.151 tấn, giảm 45,86% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 9,13%; thị trường Đức với 1.141 tấn, giảm 13,66% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 9,05%; thị trường Hà Lan với 987 tấn, tăng 2,09% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7,82%; thị trường Tây Ban Nha với 692 tấn, giảm 84,68% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 5,49%;...

Bảng 2: 25 thị trường cung ứng cà phê mã HS 0901 (cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc khử caffein) lớn nhất vào Vương quốc Anh, theo lượng nhập khẩu 8 tháng năm 2023

Thị trường	Tháng 8/2023			8 tháng năm 2023	
	Lượng (nghìn tấn)	So với tháng trước (%)	So với tháng 8/2022 (%)	Lượng (nghìn tấn)	So với 8 tháng 2022 (%)
Brazil	3,41	28,17	20,73	27,37	-7,78
Việt Nam	3,31	-21,77	70,91	30,49	-31,74
Hà Lan	1,18	5,67	-3,23	9,31	-17,18
Italy	1,11	-3,87	19,82	7,75	7,78
Colombia	0,95	26,30	14,29	6,97	-32,62
Honduras	0,94	1,20	14,13	7,65	-1,54
Đức	0,50	132,11	1,49	3,61	-28,54

Thị trường	Tháng 8/2023			8 tháng năm 2023	
	Lượng (nghìn tấn)	So với tháng trước (%)	So với tháng 8/2022 (%)	Lượng (nghìn tấn)	So với 8 tháng 2022 (%)
Bỉ	0,50	-37,57	33,72	5,09	17,82
Pê Ru	0,48	253,45	32,63	3,06	-33,24
Thụy Sĩ	0,48	14,09	-21,16	3,31	-52,35
Indonesia	0,42	265,21	-71,89	6,91	-34,95
Guatemala	0,38	55,34	5,49	1,78	-13,17
Tây Ban Nha	0,36	26,55	136,39	2,12	-49,51
Ấn Độ	0,33	39,62	92,65	1,53	-6,07
Ireland	0,26	17,01	40,66	2,01	-2,01
Pháp	0,19	-11,41	43,46	1,74	-35,51
Mexico	0,17	-12,12	28,99	1,38	-29,39
Djibouti	0,15	-12,21	33,54	0,77	32,34
Trung Quốc	0,14	0,06	793,96	0,44	-66,61
Nicaragua	0,13	-61,50	-46,94	1,94	46,81
Bồ Đào Nha	0,12	223,55	-9,22	0,89	5,92
Ba Lan	0,11	-2,61	20,47	0,81	6,03
Thụy Điển	0,11	18,00	28,36	0,66	30,76
Ethiopia	0,10	-63,02	-50,62	1,02	-28,73
Kenya	0,09	-42,14	-3,79	1,31	6,48

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

2.2. Tình hình xuất khẩu cà phê từ Vương quốc Anh

2.2.1. Lượng, trị giá và chủng loại xuất khẩu:

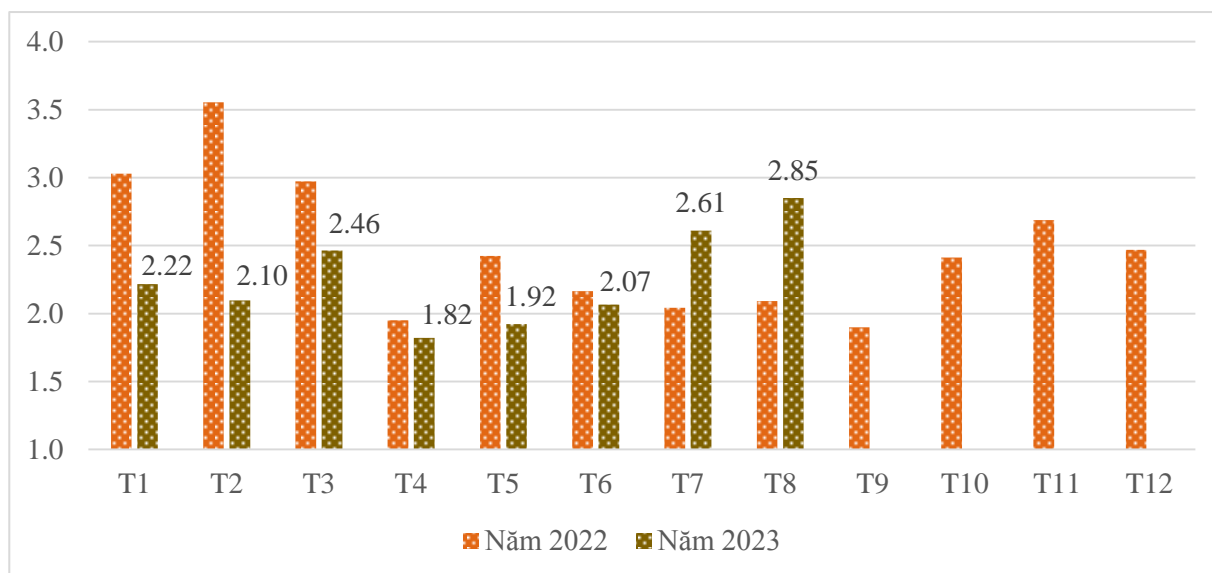
Xuất khẩu cà phê của Vương quốc Anh trong tháng 8/2023 đạt 4.695 tấn với trị giá 47,04 triệu bảng Anh, giảm 2,51% về lượng nhưng tăng 11,36% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, giảm 14,21% về lượng nhưng tăng 28,03% về trị giá. Tính chung 8 tháng năm 2023, lượng xuất khẩu đạt 37.221 tấn với trị giá 314,96 triệu bảng Anh, giảm 23,74% về lượng và giảm 5,12% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

+ Chủng loại cà phê xuất khẩu chính trong tháng 8/2023 là HS 210111 (chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê) chiếm 34% lượng nhập khẩu đạt 1.596 tấn; tiếp đến là HS 210112 (các chế phẩm có thành phần cơ bản là chất chiết xuất, tinh chất hoặc chất cô đặc từ cà phê hoặc có thành phần cơ bản là cà phê) chiếm 26,72% lượng đạt 1.254 tấn; HS 090121 (cà phê rang (không bao

gồm caffein)) chiếm 26,44% lượng đạt 1241,39 tấn; HS 090111 (cà phê (không bao gồm rang và khử caffein)) chiếm 11,86% lượng đạt 557 tấn; HS 090122 (cà phê rang, đã khử caffein) chiếm 0,64% lượng đạt 30 tấn; HS 090190 (vỏ và vỏ cà phê; chất thay thế cà phê có chứa cà phê ở bất kỳ tỷ lệ nào) chiếm 0,25% lượng đạt 11,56 tấn; ...

Biểu đồ 6: Lượng xuất khẩu cà phê mã HS 2101 (các chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê) của Vương quốc Anh tới tháng 8/2023

DVT: nghìn tấn



(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

+ Tính chung 8 tháng năm 2023, chủng loại cà phê xuất khẩu chính là HS 090111 chiếm 29,05% lượng nhập khẩu đạt 10.813 tấn; tiếp đến là HS 210111 chiếm 27,79% lượng đạt 10.344 tấn; HS 090121 chiếm 21,22% lượng đạt 7.897 tấn; HS 210112 chiếm 20,68% lượng đạt 7.698 tấn; HS 090122 chiếm 0,76% lượng đạt 281 tấn; HS 090190 chiếm 0,26% lượng đạt 96 tấn; ...

Bảng 3: Chủng loại cà phê xuất khẩu của Vương quốc Anh trong tháng 8 và 8 tháng năm 2023

Mã HS	Mô tả HS	Vương quốc Anh				Tỷ trọng xuất khẩu sang Việt Nam (%)	
		Tháng 8/2023 (tấn)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng 2023 (tấn)	So với 8 tháng 2022 (%)	Tháng 8/2023	8 tháng 2023
0	* CÀ PHÊ	4.694,7	-14,21	37.221,2	-23,74	0,03	0,12
0901	Cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc khử caffein; vỏ và vỏ cà phê; chất thay thế cà phê có chứa cà phê ở bất kỳ tỷ	1.844,2	-45,47	19.179,2	-32,91	0,01	0,20

Mã HS	Mô tả HS	Vương quốc Anh				Tỷ trọng xuất khẩu sang Việt Nam (%)	
		Tháng 8/2023 (tấn)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng 2023 (tấn)	So với 8 tháng 2022 (%)	Tháng 8/2023	8 tháng 2023
	<i>lệ nào</i>						
090111	Cà phê (không bao gồm rang và khử caffein)	556,7	-74,90	10.813,4	-27,41	0,00	0,36
090112	Cà phê đã khử caffein (không bao gồm rang)	4,5	-1,44	92,0	-32,82	0,00	0,00
090121	Cà phê rang (không bao gồm caffein)	1.241,4	8,95	7.896,7	-39,17	0,01	0,00
090122	Cà phê rang, đã khử caffein	30,0	83,92	281,3	-32,48	0,00	0,00
090190	Vỏ và vỏ cà phê; chất thay thế cà phê có chứa cà phê ở bất kỳ tỷ lệ nào	11,6	212,52	95,8	-38,23	0,00	0,00
2101	<i>Các chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê, trà hoặc maté và các chế phẩm có thành phần cơ bản là các sản phẩm này hoặc có thành phần,...</i>	2.850,5	36,36	18.042,1	-10,79	0,05	0,03
210111	Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê	1.596,1	26,08	10.344,3	-11,42	0,08	0,03
210112	Các chế phẩm có thành phần cơ bản là chất chiết xuất, tinh chất hoặc chất cô đặc từ cà phê hoặc có thành phần cơ bản là cà phê	1.254,4	52,13	7.697,8	-9,94	0,01	0,03

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

2.2.2. Thị trường xuất khẩu cà phê theo từng chủng loại:

Tháng 8/2023, Vương quốc Anh xuất khẩu cà phê sang hơn 90 thị trường. Có 4 thị trường có lượng xuất khẩu đạt trên 500 tấn là Pháp, Hà Lan, Ireland và Đức; 3 thị trường có lượng xuất khẩu đạt trên 100 tấn là Ba Lan, Ả Rập Xê Út và Tây Ban Nha. Tính chung 8 tháng năm 2023, có 5 thị trường có lượng xuất khẩu đạt trên 3 nghìn tấn là Pháp, Ireland, Đức, Bỉ và Hà Lan; có 2 thị trường có giá trị xuất khẩu đạt trên 1 nghìn tấn là Séc và Italy.

Chi tiết thị trường xuất khẩu cà phê của Vương quốc Anh theo từng chủng loại:

Cà phê mã HS 090111 (Cà phê (không bao gồm rang và khử caffein)) trong tháng 8/2023 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Pháp với khối

lượng 256 tấn, giảm 49,28% về lượng so với tháng trước và chiếm 46,05% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Ireland với 103 tấn, tăng 12,24% về lượng so với tháng trước và chiếm 18,46%; thị trường Hà Lan với 88 tấn, tăng 13,21% về lượng so với tháng trước và chiếm 15,88%; thị trường Đức với 51 tấn, giảm 19,17% về lượng so với tháng trước và chiếm 9,14%; thị trường Ả Rập Xê Út với 18 tấn, giảm 14,33% về lượng so với tháng trước và chiếm 3,19%; thị trường Lithuania với 15 tấn, tăng 159,36% về lượng so với tháng trước và chiếm 2,64%; thị trường Nam Phi với 12 tấn, bằng so với tháng trước và chiếm 2,11%;...

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 090111 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Bỉ với khối lượng 3.479 tấn, giảm 70,04% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 32,17% khối lượng; tiếp đến là thị trường Pháp với 3.166 tấn, tăng 7036,4% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 29,28%; thị trường Đức với 1.357 tấn, tăng 235,12% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 12,55%; thị trường Ireland với 771 tấn, giảm 29,63% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7,13%; thị trường Italy với 655 tấn, tăng 420,48% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 6,05%; thị trường Hà Lan với 489 tấn, giảm 47,01% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 4,53%; thị trường Tây Ban Nha với 160 tấn, tăng 1.517% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1,48%;...

Cà phê mã HS 090112 (Cà phê đã khử caffein (không bao gồm rang)) trong tháng 8/2023 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Pháp với khối lượng 1.209 kg và chiếm 26,7% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Lithuania với 1.018 kg và chiếm 22,48%; thị trường Qatar với 780 kg và chiếm 17,23%; thị trường Nam Phi với 597 kg và chiếm 13,18%; thị trường Ireland với 477 kg và chiếm 10,53%; thị trường Canada với 274 kg và chiếm 6,05%; thị trường Hoa Kỳ với 173 kg và chiếm 3,82%.

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 090112 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất với khối lượng 26,44 tấn và chiếm 28,75% khối lượng; tiếp đến là thị trường Pháp với 26,23 tấn, tăng 587,78% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 28,53%; thị trường Đức với gần 10 tấn, tăng 2.469,21% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 10,62%; thị trường Nam Phi với 7 tấn, tăng 493,38% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7,41%; thị trường Italy với gần 7 tấn và chiếm 7,2%; thị trường Ireland với gần 4 tấn, giảm 84,53% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 4,1%;...

Cà phê mã HS 090121 (Cà phê rang (không bao gồm caffein)) trong tháng 8/2023 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Ireland với khối lượng 265 tấn, tăng 13,48% về lượng so với tháng trước và chiếm 21,32% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Pháp với 181 tấn, giảm 4,77% về lượng so với tháng trước và chiếm 14,57%; thị trường Hà Lan với 89 tấn, tăng 77,91% về lượng so với tháng trước và chiếm 7,2%; thị trường Đức với 64 tấn, tăng 183,76% về lượng so với tháng trước và chiếm 5,15%; thị trường Ả Rập Xê Út với 59 tấn, tăng 10,48% về lượng so với tháng trước và chiếm 4,75%; thị trường Ba Lan với 53 tấn, tăng 100,8% về lượng so với tháng trước và chiếm 4,28%; thị trường Mexico với 37 tấn, giảm 50,5% về lượng so với tháng trước và chiếm 3,01%;...

Cà phê mã HS 090121 (Cà phê rang (không bao gồm caffein)) trong tháng 8/2023 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Ireland với khối lượng 264,6 tấn, tăng 13,48% về lượng so với tháng trước và chiếm 21,32% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Pháp với 180,9 tấn, giảm 4,77% về lượng so với tháng trước và chiếm 14,57%; thị trường Hà Lan với 89,33 tấn, tăng 77,91% về lượng so với tháng trước và chiếm 7,2%; thị trường Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất với 31,83 tấn, giảm 49,59% về lượng so với tháng trước và chiếm 2,56%; thị trường Ả Rập Xê Út với 58,99 tấn, tăng 10,48% về lượng so với tháng trước và chiếm 4,75%; thị trường Đức với 63,87 tấn, tăng 183,76% về lượng so với tháng trước và chiếm 5,15%; thị trường Thụy Điển với 21,4 tấn, tăng 25,19% về lượng so với tháng trước và chiếm 1,72%;...

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 090121 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Ireland với khối lượng 2.069 tấn, tăng 2,09% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 26,2% khối lượng; tiếp đến là thị trường Pháp với 591 tấn, giảm 25,23% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7,48%; thị trường Hà Lan với 533 tấn, giảm 76,64% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 6,75%; thị trường Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất với 366 tấn, tăng 16,24% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 4,64%; thị trường Ả Rập Xê Út với 333 tấn, tăng 67,32% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 4,21%; thị trường Đức với 260 tấn, giảm 30,32% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 3,29%; thị trường Thụy Điển với 259 tấn, giảm 51,65% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 3,27%;...

Cà phê mã HS 090122 (Cà phê rang, đã khử caffein) trong tháng 8/2023 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Đức với khối lượng hơn 12 tấn, tăng 71,6% về lượng so với tháng trước và chiếm 41,07% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Ireland với gần 12 tấn, tăng 14,85% về lượng so với tháng trước và chiếm 39,39%; thị trường Síp với 1 tấn, tăng 157,11% về lượng so với tháng

trước và chiếm 3,62%; thị trường Ba Ren với 828 kg và chiếm 2,76%; thị trường New Zealand với 574 kg và chiếm 1,92%; thị trường Hà Lan với 563 kg, tăng 119,92% về lượng so với tháng trước và chiếm 1,88%; thị trường Ba Lan với 549 kg, giảm 42,33% về lượng so với tháng trước và chiếm 1,83%;...

Cà phê mã HS 090122 (Cà phê rang, đã khử caffein) trong tháng 8/2023 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Ireland với khối lượng 11,8 tấn, tăng 14,85% về lượng so với tháng trước và chiếm 39,39% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Đức với 12,31 tấn, tăng 71,6% về lượng so với tháng trước và chiếm 41,07%; thị trường Thổ Nhĩ Kỳ với kg; thị trường Ba Lan với 549 kg, giảm 42,33% về lượng so với tháng trước và chiếm 1,83%; thị trường Pháp với kg; thị trường Canada với kg; thị trường Kuwait với 518 kg, tăng 109,72% về lượng so với tháng trước và chiếm 1,73%;...

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 090122 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Ireland với khối lượng 88 tấn, giảm 64,4% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 31,24% khối lượng; tiếp đến là thị trường Đức với 56 tấn, tăng 61,01% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 19,8%; thị trường Thổ Nhĩ Kỳ với 50 tấn, tăng 495.900% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 17,63%; thị trường Ba Lan với 22 tấn, tăng 431,03% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7,74%; thị trường Pháp với 11 tấn, giảm 58,38% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 4%; thị trường Canada với gần 11 tấn, tăng 3.600% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 3,79%; thị trường Kuwait với 8 tấn, tăng 490,96% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 2,93%;...

Cà phê mã HS 090190 (Vỏ và vỏ cà phê; chất thay thế cà phê có chứa cà phê ở bất kỳ tỷ lệ nào) trong tháng 8/2023 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Ả Rập Xê Út với khối lượng 6.428 kg, bằng so với tháng trước và chiếm 55,62% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Iraq với 4.307 kg và chiếm 37,27%; thị trường Canada với 757 kg, giảm 11,36% về lượng so với tháng trước và chiếm 6,55%; thị trường Hàn Quốc với 48 kg và chiếm 0,42%; thị trường Ireland với 12 kg, giảm 42,86% về lượng so với tháng trước và chiếm 0,1%; thị trường Liên bang Micronesia với 5 kg chiếm 0,04%.

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 090190 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Hoa Kỳ với khối lượng 29 tấn, tăng 959,93% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 29,9% khối lượng; tiếp đến là thị trường Pháp với 22 tấn, tăng 8.541,7% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 23,36%; thị trường Iraq với 15 tấn, giảm 42,35% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 15,56%; thị trường Canada với 7 tấn, tăng 61,32% về lượng so với cùng kỳ

năm trước và chiếm 7,7%; thị trường Ả Rập Xê Út với 6 tấn, giảm 36,29% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 6,71%; thị trường Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất với 5 tấn, bằng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 5,26%; thị trường Malaysia với gần 3 tấn, bằng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 3,11%;...

Cà phê mã HS 210111 (Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê) trong tháng 8/2023 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Hà Lan với khối lượng 432 tấn, tăng 78,34% về lượng so với tháng trước và chiếm 27,05% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Đức với 197 tấn, tăng 27,75% về lượng so với tháng trước và chiếm 12,34%; thị trường Pháp với 184 tấn, tăng 97,47% về lượng so với tháng trước và chiếm 11,5%; thị trường Ireland với 154 tấn, giảm 7,83% về lượng so với tháng trước và chiếm 9,66%; thị trường Ba Lan với 119 tấn, tăng 274,08% về lượng so với tháng trước và chiếm 7,44%; thị trường Thái Lan với 83 tấn, tăng 70,91% về lượng so với tháng trước và chiếm 5,23%; thị trường Séc với 47 tấn, giảm 51,08% về lượng so với tháng trước và chiếm 2,96%;...

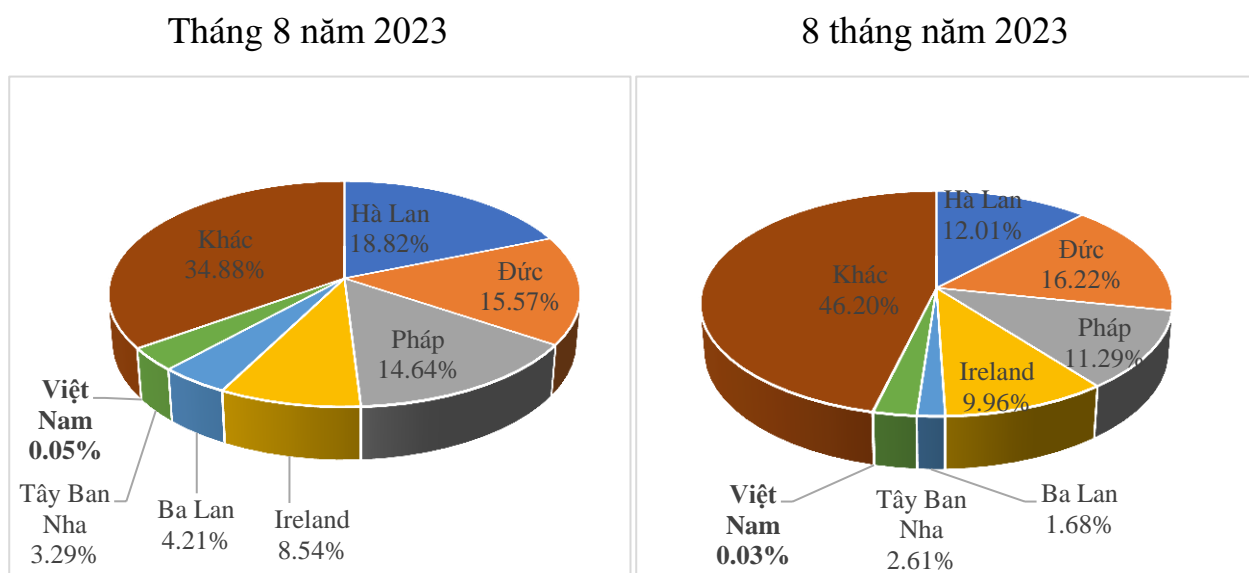
+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 210111 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Séc với khối lượng 1.614 tấn, giảm 18,59% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 15,6% khối lượng; tiếp đến là thị trường Đức với 1.540 tấn, giảm 22,67% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 14,89%; thị trường Hà Lan với 1.322 tấn, tăng 15,8% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 12,78%; thị trường Ireland với 1.206 tấn, tăng 1,8% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 11,66%; thị trường Pháp với 1.079 tấn, giảm 2,17% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 10,43%; thị trường Thái Lan với 351 tấn, tăng 3.689% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 3,4%; thị trường Ba Lan với 299 tấn, tăng 5,28% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 2,89%;...

Cà phê mã HS 210112 (Các chế phẩm có thành phần cơ bản là chất chiết xuất, tinh chất hoặc chất cô đặc từ cà phê hoặc có thành phần cơ bản là cà phê) trong tháng 8/2023 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Đức với khối lượng 247 tấn, tăng 9,27% về lượng so với tháng trước và chiếm 19,69% lượng trong tháng; tiếp đến là thị trường Pháp với 234 tấn, giảm 29,04% về lượng so với tháng trước và chiếm 18,65%; thị trường Hà Lan với 105 tấn, tăng 0,66% về lượng so với tháng trước và chiếm 8,34%; thị trường Ireland với 89 tấn, tăng 19,77% về lượng so với tháng trước và chiếm 7,12%; thị trường Tây Ban Nha với 65 tấn, tăng 105,61% về lượng so với tháng trước và chiếm 5,2%; thị trường Hoa Kỳ với 60 tấn, giảm 26,9% về lượng so với tháng trước và chiếm 4,82%; thị

+ Tính chung 8 tháng năm 2023 mã HS 210112 được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Đức với khối lượng 1.385 tấn, giảm 44,51% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 18% khối lượng; tiếp đến là thị trường Pháp với 958 tấn, giảm 7,15% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 12,44%; thị trường Hà Lan với 844 tấn, tăng 61,9% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 10,97%; thị trường Ireland với 590 tấn, tăng 41,14% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7,67%; thị trường Italy với 522 tấn, tăng 74,98% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 6,78%; thị trường Hoa Kỳ với 472 tấn, tăng 19,94% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 6,13%; thị trường Chile với 382 tấn, giảm 43,69% về lượng so với cùng kỳ năm trước và chiếm 4,96%;...

Biểu đồ 7: Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê mã HS 2101 (các chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê) từ Vương quốc Anh tháng 8 và 8 tháng năm 2023

(ĐVT % theo lượng)



(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

Bảng 4: 25 thị trường xuất khẩu cà phê mã HS 2101 (các chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của cà phê) của Vương quốc Anh tháng 8 và 8 tháng năm 2023

Thị trường	Tháng 8/2023			8 tháng năm 2023	
	Lượng (tấn)	So với tháng trước (%)	So với tháng 8/2022 (%)	Lượng (tấn)	So với tháng trước (%)
Hà Lan	536,34	55,0	185,7	2.166,62	30,3
Đức	443,94	16,8	9,4	2.925,72	-34,8
Pháp	417,46	-1,2	115,9	2.036,42	-4,6
Ireland	243,56	0,7	27,5	1.796,35	12,1

Thị trường	Tháng 8/2023			8 tháng năm 2023	
	Lượng (tấn)	So với tháng trước (%)	So với tháng 8/2022 (%)	Lượng (tấn)	So với tháng trước (%)
Ba Lan	120,14	274,7	132,3	303,89	1,6
Tây Ban Nha	93,89	34,5	266,2	471,05	-14,2
Thái Lan	83,46	70,9	1.171,9	351,41	2.850,3
Hy Lạp	72,63	46,1	-20,0	445,22	-1,4
Bỉ	62,44	-21,0	620,0	440,37	118,3
Đan Mạch	61,93	-8,8	-6,4	329,73	16,8
Hoa Kỳ	60,59	-32,1	-17,0	495,23	15,5
Italy	56,80	-53,1	-9,1	595,84	67,7
Séc	48,26	-53,2	-74,5	1.640,99	-19,2
Croatia	38,17	-18,7	0,0	98,72	44,2
Ai Cập	34,86	302,6	193,0	141,32	5,3
Australia	32,70	10,1	-30,7	279,38	-22,3
Ả Rập Xê Út	31,91	700,6	13,6	143,67	-51,8
Thụy Điển	31,76	6,6	-27,1	267,58	-2,2
Chile	31,01	-37,5	110,4	383,67	-44,3
Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	30,73	-20,3	-62,5	298,12	-4,6
Bồ Đào Nha	30,51	-27,6	1.437,0	164,67	8,7
Canada	23,35	-11,0	-34,7	189,56	-52,7
Lithuania	23,30	29,3	471,4	75,78	2,7
Thụy Sĩ	18,84	273,5	2.606,8	43,64	-73,3
Việt Nam	1,46		52,8	6,04	-34,3

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

3. DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC CÀ PHÊ TẠI VƯƠNG QUỐC ANH

3.1. Tình hình phân phối các sản phẩm cà phê tại các cửa hàng

Blue Turaco, thương hiệu cà phê đầu tiên do các nông dân châu Phi sở hữu đã có mặt tại 99 cửa hàng trên khắp Vương quốc Anh với loại cà phê Robusta Uganda chất lượng 100%.

Cà phê Robusta Uganda được phân loại và rang bởi các thợ pha cà phê đạt giải thưởng của Vương quốc Anh, mang hương vị đậm đà, mịn màng và hấp dẫn, đồng thời chứa lượng caffeine tự nhiên cao gấp đôi so với cà phê Arabica.

Ngành công nghiệp cà phê trước đây chủ yếu tập trung vào cà phê Arabica chất lượng cao, đã bỏ qua loại cà phê Robusta. Nhưng hiện nay, thị trường cà phê chất lượng đang chuyển hướng sang cà phê Robusta. Robusta được trồng ở điều

kiện tốt với các kỹ thuật rang mới để khám phá ra hương vị tuyệt diệu. Điều này tạo ra một tách cà phê thơm ngon, hoàn hảo.

Blue Turaco được phân phối trong các cửa hàng cà phê như một phần của chương trình hỗ trợ hợp tác. 'The Apiary' mang tính hỗ trợ và hướng dẫn các nhà cung cấp nhỏ.

Mỗi gói cà phê Blue Turaco được bán ra sẽ tài trợ cho hai bữa ăn của một học sinh ở Uganda.

Wycliffe Sande là người Uganda cũng là người sáng lập của công ty. Sande từng hái cà phê để kiếm tiền trang trải học phí. Đây là lý do tại sao phần lớn hoạt động của công ty được dành để giúp đỡ nông dân địa phương.

Mặc dù có rất nhiều loại cà phê được trồng ở châu Phi trên kệ hàng tại Vương quốc Anh, nhưng không có thương hiệu bán lẻ nào thuộc sở hữu của một nông dân cà phê châu Phi với một nhiệm vụ xã hội như Blue Turaco. Khẩu hiệu của Blue Turaco là Cà phê Mạnh Mẽ, Ảnh Hưởng Mạnh Mẽ cho thấy tác động của cộng đồng là cốt lõi.

Tầm nhìn của Blue Turaco là tạo ra một mô hình mà cà phê thực sự mang lại lợi ích cho cộng đồng nông nghiệp.

3.2. Doanh nghiệp Vương quốc Anh nhập khẩu cà phê

Bảng 5: Danh sách doanh nghiệp của Vương quốc Anh nhập khẩu cà phê mã HS 210111 tháng 8/2023

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã bưu chính
KINGDOM COFFEE (INTERNATIONAL)LTD	1 BRIDGEWATER CLOSE, READING, BERKSHIRE,	RG30 1JT
ANGEL TRADING LTD	17 GOLDERS COURT, WOODSTOCK ROAD, LONDON,	NW11 8QG
FEVERTREE LIMITED	186-188 SHEPHERDS BUSH ROAD, HAMMERSMITH, LONDON,	W6 7NL
LIDL UK TRADING LIMITED	19 WORPLE ROAD, LONDON,	SW19 4JS
LEASIDE BOOKS LIMITED	1B BETHUNE ROAD, STOKE NEWINGTON, LONDON,	N16 5BW
RICCOFFEE (UK) LIMITED	2ND FLOOR, 76 CANNON STREET, LONDON,	EC4N 6AE
CONSTANTIN & CO LTD	303 PRINCE OF WALES ROAD, SHEFFIELD,	S2 1FH

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã bưu chính
JUST GREEN ORGANIC UK LIMITE D	335 ATHLON ROAD WEMBLEY, -,	HA0 1EF
KOFFIE 2 GO LTD	BARRIMORE, BOYTON CROSS, ROXWELL, CHELMSFORD,	CM1 4LP
CHARLES TENNANT & COMPANY LIMITED	CRAIGHEAD, WHISTLEBERRY ROAD, BLANTYRE,	G72 0TH
MEDELLI LTD	FLAT 32 ARAKAN HOUSE, GREEN LA, NES, LONDON,	N16 9DT
SEDA OUTSPAN IBERIA SL	HM REVENUE AND CUSTOMS, RUBY HOUSE, 8 RUBY PLACE, ABERDEEN,	AB10 1ZP
SUCAFINA INGREDIENTS SA	HM REVENUE AND CUSTOMS, RUBY HOUSE, 8 RUBY PLACE, ABERDEEN,	AB10 1ZP
OPTIONS MANAGEMENT LTD	MARIES WAY, SILVERDALE BUSINESS PARK, NEWCASTLE UNDER LYME,	ST5 6PA
AUREO GROUP	OAKWOOD HOUSE, 7 VICTORIA WAY, BURGESS HILL, WEST SUSSEX,	RH15 9NF

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

4. CẬP NHẬT THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ VƯƠNG QUỐC ANH TRONG THÁNG

4.1. Nhà bán lẻ M&S tại Vương quốc Anh triển khai cốc tái chế không chứa nhựa trên toàn hệ thống quán cà phê.¹

Nhà bán lẻ Marks & Spencer (M&S) tại Vương quốc Anh đã bắt đầu giới thiệu cốc và nắp cốc cà phê bằng sợi giấy có thể tái chế trên toàn hệ thống quán cà phê của họ.

Cốc đựng cà phê một lần bằng sợi giấy hoàn toàn có thể tái chế được chứng nhận không chứa nhựa và hiện đã có sẵn tại hai mươi địa điểm, bao gồm các quán cà phê của M&S, điểm phân phối cà phê tự động và khu ẩm thực ở London, Leeds và Cheshunt, và sẽ được triển khai trên toàn hệ thống 300 quán cà phê của M&S trong thời gian tới.

M&S cho biết cốc sử dụng "vật liệu hữu cơ đổi mới" để thay thế lớp nhựa được sử dụng trên các cốc cà phê thông thường, điều này có nghĩa là sản phẩm có

¹ <https://www.worldcoffeeportal.com>

thể được vớt vào thùng tái chế gia đình và sẽ phân hủy tự nhiên mà không để lại bất kỳ mảnh nhựa nào nếu được xử lý tại bãi rác.

Nhà bán lẻ M&S trở thành nhà điều hành quán cà phê đường phố lớn đầu tiên của Vương quốc Anh cung cấp cốc và nắp cốc cà phê 100% bằng giấy có thể tái chế hoàn toàn và sẽ loại bỏ hơn 20 triệu đơn vị nhựa khỏi hoạt động kinh doanh thực phẩm của mình. M&S đã đặt mục tiêu loại bỏ một tỷ đơn vị nhựa khỏi bao bì hoạt động kinh doanh thực phẩm và thời điểm năm ngoái đã loại bỏ 75 triệu đơn vị.

Vấn đề chất thải cốc cà phê sử dụng một lần đã thu hút sự chú ý tại Vương quốc Anh, nơi mỗi năm sử dụng khoảng 2,5 tỷ cốc và chỉ có khoảng 400 cốc được tái chế.

Rác mà các cốc cà phê gây ra cho hành tinh mà không được tái chế đúng cách là rất lớn. Đó là lý do tại sao M&S quyết tâm mang đến một giải pháp bền vững thay thế cho những gì đã có ngày hôm nay, và M&S tự hào được cung cấp cho khách hàng cốc cà phê hoàn toàn có thể tái chế được sử dụng trên đường phố đầu tiên.

Việc giới thiệu các cốc có thể tái chế tại nhà cũng thể hiện sự đầu tư liên tục của M&S vào hoạt động kinh doanh quán cafe trong bối cảnh tái cấu trúc cửa hàng trên phố.

4.2. Tham khảo thông tin về tình hình sản xuất, tiêu thụ cà phê trên thế giới ²

Trong báo cáo tháng 9/2023, Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) công bố cà phê Arabica giảm nhẹ trong khi cà phê Robusta vẫn ở mức gần kỷ lục. Nam Mỹ đang và sẽ vẫn là nhà sản xuất cà phê lớn nhất thế giới, mặc dù sản lượng giảm mạnh nhất trong gần 20 năm. Tiêu thụ cà phê thế giới tăng trong tháng 9/2023, chi phí sinh hoạt tăng sẽ tác động đến tiêu dùng trong niên vụ cà phê mới.

Giá cà phê Arabica của Colombia và những nơi khác giảm 1,4% và 1,7%, xuống lần lượt 184,98 và 183,52 US cent/lb vào tháng 9 năm 2023. Chênh lệch giá giữa các loại Arabica của Colombia và các loại Arabica khác tăng 79,1% lên 1,46 cent Mỹ/lb.

Dự trữ tại sàn giao dịch New York và London đi theo hướng ngược nhau, trong đó London tăng 25,7% lên 0,73 triệu bao loại 60 kg, trong khi dự trữ cà phê Arabica được chứng nhận đạt 0,49 triệu bao loại 60 kg, giảm 13,8%.

² <https://www.teaandcoffee.net/news/>

Từ ngày 19 đến ngày 29 tháng 9 năm 2023, đồng Real của Brazil giảm giá 3,2%, từ 4,87 xuống 5,03, trong khi I-CIP giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu cà phê Arabica của Colombia giảm 2,1% xuống 0,84 triệu bao trong tháng 8 năm 2023 từ 0,86 triệu bao trong tháng 8 năm 2022, chủ yếu do Colombia, quốc gia xuất xứ chính của nhóm cà phê này, có xuất khẩu cà phê xanh đã giảm 5,6% trong tháng 8 năm 2023. Đây là tháng giảm thứ 14 liên tiếp của cà phê Arabica Colombian, xuất khẩu nhóm cà phê này từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 8 năm 2023 đã giảm 12,5%, ở mức 9,9 triệu bao, so với 11,32 triệu bao trong năm 2023.

Thị phần của Arabica trong tổng sản lượng cà phê dự kiến sẽ tăng lên 57,5% từ 55,9% trong niên vụ cà phê 2021/22. Nam Mỹ đang và sẽ vẫn là nước sản xuất cà phê lớn nhất thế giới, mặc dù phải chịu sự sụt giảm sản lượng lớn nhất trong gần 20 năm, giảm 7,6% trong niên vụ cà phê 2021/22. Sự phục hồi sản xuất trong niên vụ cà phê 2022/23 một phần nhờ sản xuất hai năm một lần, dự kiến sẽ đẩy sản lượng của khu vực lên 82,4 triệu bao, tăng 6,2%.

5. CẬP NHẬT CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ TẠI VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC AI-LEN

Những cân nhắc pháp lý quan trọng khi thành lập quán cà phê ở Vương quốc Anh.³

Tuân thủ các yêu cầu pháp lý hiện hành là điều cần thiết để đảm bảo hoạt động kinh doanh quán cà phê diễn ra suôn sẻ và thành công. Những yếu tố pháp lý quan trọng mà những chủ quán cà phê mới nên xem xét khi thành lập quán ở Vương quốc Anh gồm:

1. Loại hình kinh doanh và đăng ký

Bước đầu tiên trong việc thành lập quán cà phê là quyết định loại hình kinh doanh phù hợp nhất. Các tùy chọn phổ biến bao gồm:

- Doanh nghiệp tư nhân;
- Hợp tác xã; hoặc
- Công ty trách nhiệm hữu hạn.

Mỗi loại hình đều có những ưu điểm và nhược điểm liên quan đến trách nhiệm pháp lý, thuế và nghĩa vụ pháp lý.

Sau khi quyết định sử dụng loại hình nào, phải đăng ký quán cà phê với cơ quan có thẩm quyền. Tùy thuộc vào thực thể kinh doanh được chọn, đây có thể là

³ <https://legalvision.co.uk/business-structures/cafe-considerations/>

Cục Quản lý Công ty (Companies House), Cơ quan thuế và Hải quan Vương quốc Anh (HMRC).

2. Cấp phép và Giấy phép

Để mở một quán cà phê ở Vương quốc Anh đòi hỏi phải được cấp phép và có giấy phép cần thiết liên quan. Giấy phép chính là giấy phép cơ sở do hội đồng các địa phương cấp. Giấy phép này bao gồm việc bán thực phẩm và đồ uống không cồn cũng như mọi hoạt động giải trí trực tiếp hoặc giải khát vào đêm khuya.

Các quán cà phê phục vụ đồ uống có cồn, phát nhạc đã ghi âm hoặc tổ chức chỗ ngồi ngoài trời cần phải được cấp phép và có giấy phép phù hợp, như giấy thành lập cơ sở hoặc giấy phép kinh doanh cá nhân, theo Quy định Giấy phép 2003. Yêu cầu về giấy phép có thể thay đổi tùy thuộc vào các hoạt động cụ thể và quy định địa phương. Điều cần thiết là phải tham khảo ý kiến của hội đồng địa phương và làm các yêu cầu cấp phép cụ thể trong khu vực.

3. Quy định về sức khỏe và an toàn

Việc tuân thủ các quy định về sức khỏe và an toàn là điều tối quan trọng trong ngành thực phẩm và đồ uống.

Các quán cà phê phải tuân thủ các nguyên tắc nghiêm ngặt để đảm bảo an toàn cho cả khách hàng và nhân viên. Điều này bao gồm các biện pháp tương tự đối với các doanh nghiệp kinh doanh đồ ăn nóng, chẳng hạn như:

- Duy trì môi trường sạch sẽ và vệ sinh;
- Thực hiện các biện pháp bảo quản và xử lý thực phẩm thích hợp;
- Cung cấp thông gió đầy đủ.

Các biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy như lối thoát hiểm và bình chữa cháy cũng cần được áp dụng. Hơn nữa, việc đào tạo và thực hiện đầy đủ các chính sách về sức khỏe và an toàn của nhân viên là rất quan trọng để đảm bảo một môi trường làm việc an toàn. Ví dụ: dạy nhân viên cách sử dụng máy pha cà phê espresso một cách an toàn, bao gồm việc đun nóng và rót chất lỏng ở nhiệt độ cao.

Chính quyền địa phương sẽ tiến hành kiểm tra y tế thường xuyên để đảm bảo việc tuân thủ các quy định này.

4. Tiêu chuẩn thực phẩm

Các quán cà phê phải tuân thủ Luật An toàn Thực phẩm năm 1990 và Quy định Vệ sinh Thực phẩm để duy trì các tiêu chuẩn cao về an toàn thực phẩm và vệ sinh, phải đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm do Cơ quan Tiêu

chuẩn Thực phẩm (FSA) và Hệ thống Đánh giá Vệ sinh Thực phẩm đặt ra. Điều này bao gồm:

- Thực hiện các quy trình ngăn ngừa ô nhiễm hạt cà phê và thực phẩm;
- Ghi nhãn thông tin về các thành phần gây dị ứng theo Quy định Thông tin về Thực phẩm năm 2014;
- Kiểm soát nhiệt độ thích hợp cho việc lưu trữ thực phẩm;
- Đào tạo nhân viên về các quy định an toàn thực phẩm.

Việc có được chứng chỉ Hệ thống đánh giá vệ sinh thực phẩm là một lợi thế vì nó mang lại sự yên tâm cho khách hàng và thể hiện sự tuân thủ các quy định vệ sinh.

5. Luật lao động

Tuyển dụng và quản lý nhân viên trong quán cà phê đòi hỏi phải tuân thủ nhiều luật và quy định về lao động. Điều này bao gồm:

- Đảm bảo hợp đồng lao động công bằng;
- Tuân thủ yêu cầu về mức lương tối thiểu;
- Cung cấp một môi trường làm việc an toàn và tuân thủ chính sách chống phân biệt đối xử;
- Tuân thủ các quy định về giờ làm việc, thời gian nghỉ giải lao và các quyền lợi trong ngày nghỉ.

6. Bảo vệ Quyền sở hữu trí tuệ (IP)

Bảo vệ Quyền sở hữu trí tuệ (IP) của quán cà phê rất quan trọng để bảo vệ thương hiệu và danh tiếng của doanh nghiệp. Xem xét việc đăng ký nhãn hiệu cho:

- Tên quán cà phê;
- Logo quán cà phê;
- Bất kỳ yếu tố độc đáo nào về thương hiệu.

Điều này sẽ giúp ngăn chặn người khác sử dụng nhãn hiệu tương tự có thể gây nhầm lẫn cho khách hàng. Điều cần thiết là phải tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của người khác và tránh vi phạm nhãn hiệu, bản quyền hoặc bằng sáng chế hiện có.

7. Bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư

Các quán cà phê cần phải tuân thủ Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) và đảm bảo rằng dữ liệu cá nhân thu thập từ khách hàng được lưu trữ an toàn và chỉ được sử dụng cho mục đích đã định. Việc thực hiện các chính sách bảo vệ dữ liệu phù hợp và nhận được sự đồng ý của khách hàng để xử lý dữ liệu là điều cần thiết để tránh hậu quả pháp lý.

8. Phân biệt đối xử với người khuyết tật

Các quán cà phê phải cung cấp quyền truy cập và dịch vụ bình đẳng cho người khuyết tật. Theo Đạo luật Bình đẳng 2010, chủ quán cà phê phải thực hiện những điều chỉnh hợp lý để đảm bảo mọi người đều có thể tiếp cận cơ sở của họ. Điều này có thể bao gồm việc lắp đặt đường dốc, nhà vệ sinh dễ tiếp cận và cung cấp các dạng thực đơn thay thế.